

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO  
KHOA KINH TẾ QUỐC TẾ

---



**TIỂU LUẬN**  
**NHỮNG CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI**  
**THUẾ QUAN VÀ PHI THUẾ QUAN**

**Môn học:** Quan hệ kinh tế quốc tế

**Giảng viên:** Lâm Thanh Hà

**Nhóm sinh viên thực hiện:** Nhóm 2

**Lớp:** KT46C

Hà Nội, 2020

TIÊU LUẬN

**NHỮNG CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI  
THUẾ QUAN VÀ PHI THUẾ QUAN**

Thực hiện bởi

**Nhóm 2 – KT46C**

Với sự tham gia của các thành viên:

- 1. Nguyễn Thị Hương Giang**
- 2. Nguyễn Thị Phương Anh**
- 3. Nguyễn Phan Thảo Uyên**
- 4. Phạm Ngọc Minh Châu**

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>CHÚ THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ VIẾT TẮT</b> .....   | 5  |
| <b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....   | 6  |
| <b>PHẦN A: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ</b> .....       | 7  |
| <b>I - CÔNG CỤ THUẾ QUAN</b> .....  | 7  |
| <b>1. Khái niệm và đặc điểm của thuế quan</b> .....                                       | 7  |
| <b>2. Phân loại thuế quan</b> .....   | 7  |
| <b>2.1. Thuế nhập khẩu (Import tax)</b> .....   | 8  |
| <b>2.2. Thuế xuất khẩu (Export tax)</b> .....   | 8  |
| <b>2.3. Một số loại thuế quan khác</b> .....  | 8  |
| <b>3. Các mức thuế quan</b> .....   | 10 |
| <b>4. Phương pháp đánh thuế quan</b> .....  | 11 |
| <b>4.1. Thuế theo giá trị hàng hóa (Ad valorem)</b> .....                                 | 11 |
| <b>4.2. Thuế cố định (Fixed payment)</b> .....  | 11 |
| <b>4.3. Thuế hỗn hợp (Compound)</b> .....   | 12 |
| <b>4.4. Thuế trung bình</b> .....   | 12 |
| <b>5. Tác động kinh tế của thuế quan</b> .....  | 13 |
| <b>5.1. Tác động của thuế quan đối với các nước nhỏ</b> .....                             | 13 |
| <b>5.2. Tác động của thuế quan đối với các nước lớn</b> .....                             | 14 |
| <b>II – CÔNG CỤ PHI THUẾ QUAN</b> .....   | 14 |
| <b>1. Khái niệm</b> .....   | 14 |
| <b>2. Phân loại</b> .....   | 15 |
| <b>2.1. Hạn ngạch (Import quota)</b> .....  | 15 |
| <b>2.2. Hạn chế xuất khẩu tự nguyện (voluntary export restraint)</b> .....                | 16 |
| <b>2.3. Trợ cấp xuất khẩu (export subsidies)</b> .....                                    | 16 |
| <b>2.4. Hàng rào kỹ thuật</b> .....   | 17 |
| <b>2.5. Các điều khoản mua sắm của chính phủ (Government procurement provision)</b> ..... | 17 |

|  |           |
|--|-----------|
| 2.6. Một số công cụ khác .....   | 18        |
| <b>PHẦN B: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ QUAN VÀ PHI THUẾ QUAN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.....</b> | <b>19</b> |
| <b>I – NHỮNG CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM ....</b>   | <b>19</b> |
| 1. Các công cụ thuế quan và phi thuế quan tại Việt Nam .....   | 19        |
| 1.1. Thuế nhập khẩu thông thường.....  | 19        |
| 1.2. Thuế nhập khẩu ưu đãi .....   | 19        |
| 1.3. Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.....   | 19        |
| 1.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt.....   | 20        |
| 1.5. Thuế bảo vệ môi trường.....   | 21        |
| 1.6. Thuế VAT (thuế giá trị gia tăng, GTGT) .....  | 21        |
| 2. Hàng rào phi thuế quan đối với Việt Nam.....  | 22        |
| 3. Nhận định về việc sử dụng các công cụ của chính sách thương mại của Việt Nam.....                         | 23        |
| 3.1. Những kết quả tích cực .....  | 23        |
| 3.2. Những khó khăn, thách thức .....  | 24        |
| <b>II – THUẾ QUAN VÀ PHI THUẾ QUAN - CÔNG CỤ CỦA CUỘC CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI MỸ - TRUNG.....</b>             | <b>24</b> |
| 1. Khởi nguồn cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung .....   | 24        |
| 2. Các công cụ của chính sách thương mại tham gia vào cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.....                  | 25        |
| 2.1. Từ phía Mỹ .....  | 26        |
| 2.2. Từ phía Trung Quốc.....   | 26        |
| 3. Tác động của cuộc chiến tranh thương mại đối với 3 nước Mỹ, Trung Quốc và Việt Nam.....                   | 27        |
| 3.1. Đối với Mỹ .....  | 27        |
| 3.2. Đối với Trung Quốc.....   | 27        |
| 3.3. Đối với Việt Nam.....   | 28        |
| <b>LỜI KẾT .....</b>   | <b>29</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>   | <b>31</b> |

## CHÚ THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt        | Nguyên bản  | Tiếng Việt   |
|--------------------|---|--|
| <b>WTO</b>         | World Trade Organisation  | Tổ chức thương mại thế giới                                  |
| <b>MFN</b>         | Most favored nation   | Thuế tối huệ quốc  |
| <b>GSP</b>         | Generalized System of Preferences                                     | Hệ thống ưu đãi phổ cập                                      |
| <b>UNCTAD</b>      | United Nations Conference on trade and Development                    | Hội nghị Liên Hợp Quốc về thương mại và phát triển           |
| <b>NTMs</b>        | Non-Tariff Measures   | Các công cụ phi thuế quan                                    |
| <b>FTA</b>         | Free Trade Area   | Khu vực kinh tế tự do  |
| <b>AJCEP</b>       | ASEAN-Japan Comprehensive Economic Partnership                        | Hiệp định thương mại ASEAN – Nhật Bản                        |
| <b>AANZFTA</b>     | ASEAN-Australia-New Zealand Free Trade Area                           | Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Australia-New Zealand       |
| <b>AKFTA</b>       | ASEAN-Korea Free Trade Area   | Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc                  |
| <b>VKFTA</b>       | Vietnam-Korea Free Trade Area   | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc               |
| <b>AIFTA</b>       | Vietnam-India Free Trade Area   | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Ấn Độ                  |
| <b>VCFTA</b>       | Vietnam-Chile Free Trade Area   | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chile                  |
| <b>VN-EAEU FTA</b> | Eurasian Economic Union Free Trade Agreement                          | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu |
| <b>CPTPP</b>       | Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership | Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu của mọi nền kinh tế, đặc biệt là hoạt động thương mại quốc tế. Thương mại quốc tế là một hình thái phổ biến nhất của quan hệ kinh tế, phản ánh quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới trong những thế kỷ vừa qua. Nó đã trở thành một lĩnh vực quan trọng tạo điều kiện cho các nước tham gia vào phân công lao động quốc tế, phát triển kinh tế và làm giàu cho các quốc gia. Mỗi quốc gia khi gia nhập vào thị trường thương mại quốc tế chung ấy đều có những chính sách thương mại quốc tế khác nhau, phù hợp với những mục tiêu và điều kiện phát triển của mình.

*Chính sách thương mại quốc tế là một hệ thống những quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và biện pháp thích hợp mà Nhà nước sử dụng để điều chỉnh các hoạt động thương mại quốc tế của mỗi quốc gia trong một thời kì nhất định, nhằm đạt được các mục tiêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia đó.*

Để thực hiện các mục tiêu của chính sách thương mại quốc tế của mình, mỗi quốc gia sẽ sử dụng các công cụ chủ yếu sau: Công cụ thuế quan và phi thuế quan.

Trong bài tiểu luận này, chúng tôi sẽ trình bày:

+ Cơ sở lý luận về những công cụ của chính sách thương mại quốc tế mà các chính phủ thường sử dụng để quản lý các hoạt động thương mại quốc tế của quốc gia mình trong quan hệ thương mại với các quốc gia khác.

+ Liên hệ về những quốc gia trên thế giới (Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc) đã áp dụng các công cụ của chính sách thương mại quốc tế và tác động của nó tới các quốc gia.

## PHẦN A: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

### I - CÔNG CỤ THUẾ QUAN

Một trong những công cụ của chính sách thương mại quốc tế quan trọng là thuế quan. Các phương pháp đánh thuế và ảnh hưởng, đặc biệt là ảnh hưởng đến dòng hàng hóa, dịch vụ chu chuyển giữa các quốc gia sẽ được phân tích nhằm định hướng cho các nhà làm chính sách khai thác vai trò và tác dụng của hàng rào thuế quan. Tác động kinh tế của thuế quan được xem xét dưới góc độ cân bằng tổng quan cho nhiều loại hàng hóa xuất nhập khẩu và cân bằng bộ phận cho một hàng hóa làm cơ sở để đề ra chính sách thuế quan phù hợp với mục đích quản lý thương mại quốc tế.

#### 1. Khái niệm và đặc điểm của thuế quan

Thuế quan (Tariff barriers) là thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ mua bán và vận động qua “biên giới hải quan của một quốc gia hay vùng lãnh thổ hải quan”.

Thuế quan có các đặc trưng cơ bản sau đây:

- Thuế quan là một loại hàng rào thương mại, gắn với “biên giới hải quan” của quốc gia hay vùng lãnh thổ. “Biên giới hải quan” là một khái niệm thể hiện chủ quyền kiểm soát hàng hóa, dịch vụ của các chính phủ và do đó bất kỳ một hàng hóa, dịch vụ nào cũng phải làm thủ tục hải quan khi qua “biên giới” này.
- Thuế quan được thể hiện ở biểu thuế quan. Biểu thuế quan khá phức tạp với hàng ngàn khoản mục riêng biệt và cách áp dụng khác nhau. Tùy theo phương pháp đánh thuế mà biểu thuế quan có thể thể hiện bằng số tiền tuyệt đối, tỷ lệ phần trăm hay kết hợp.
- Thuế quan có thể được áp đặt bởi nước xuất khẩu, nước nhập khẩu. Nếu các quốc gia và vùng lãnh thổ không có các hiệp định chống đánh thuế hai lần thì nhiều hàng hóa, dịch vụ có thể bị đánh thuế trùng lặp trong quá trình mua bán.
- Thuế quan trên thế giới có xu hướng hài hòa hóa do tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế.

#### 2. Phân loại thuế quan

Tùy thuộc vào mục đích đánh thuế quan, hoạt động kinh doanh, loại hàng hóa, dịch vụ và trong từng điều kiện cụ thể về thị trường và quan hệ thương mại mà các loại thuế quan khác nhau được áp đặt với vai trò khác nhau.

## 2.1. Thuế nhập khẩu (Import tax)

Thuế nhập khẩu đánh vào các hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu vào một quốc gia hay vùng lãnh thổ. Thuế nhập khẩu có thể đánh vào thành phần hoặc đầu vào nhập khẩu (nguyên vật liệu và bán thành phẩm).

Thuế nhập khẩu có vai trò:

- Bảo hộ sản xuất trong nước
- Hướng dẫn tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân
- Tăng thu cho ngân sách nhà nước
- Kích thích đầu tư sản xuất trong nước, đặc biệt là sản xuất thay thế nhập khẩu
- Công cụ gia tăng sức mạnh thương lượng với các đối tác

Thuế nhập khẩu làm tăng giá bán trong nước của hàng hóa nhập khẩu và vì vậy, gây thiệt hại cho người tiêu dùng cũng như làm giảm số lượng hàng hóa nhập khẩu.

## 2.2. Thuế xuất khẩu (Export tax)

Thuế xuất khẩu áp đặt vào hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của một quốc gia hay vùng lãnh thổ. Thuế xuất khẩu có thể đánh vào thành phần hay đầu vào xuất khẩu (nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm).

Thuế xuất khẩu có vai trò:

- Bảo vệ nguồn tài nguyên khan hiếm trong nước, bảo vệ môi trường sống
- Hướng dẫn đầu tư sản xuất và xuất khẩu
- Điều tiết giá cả hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhằm hạn chế tiêu cực do cạnh tranh bán của các doanh nghiệp trong nước
- Bảo vệ lợi ích của người sản xuất trong nước
- Tăng thu cho ngân sách nhà nước

## 2.3. Một số loại thuế quan khác

### ▪ Thuế theo hạn ngạch (*tariff quota*)

Thuế theo hạn ngạch là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu vượt hạn ngạch vào một quốc gia hay vùng lãnh thổ. Số lượng hàng hóa trong hạn ngạch nhập khẩu được hưởng thuế quan thấp, ngoài hạn ngạch càng cao thì thuế càng cao.



Ví dụ: Mức thuế MFN (tối huệ quốc) của Hoa Kỳ năm 2002 áp dụng đối với số lượng trong hạn ngạch bình quân là 9%, trong khi đó mức thuế đối với số lượng vượt hạn ngạch trung bình là 53%.

- ***Thuế chống bán phá giá (anti-dumping duties)***

Thuế chống bán phá giá là một loại thuế quan đặc biệt được áp dụng để ngăn chặn và đối phó với hàng nhập khẩu được bán phá giá vào thị trường nội địa tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh.

Một hàng hóa bị coi là bán phá giá nếu nó được bán với giá “thấp hơn giá trị thông thường của hàng hóa đó”.

Thuế chống bán phá giá sẽ được áp đặt lên hàng hóa nhập khẩu khi có đơn kiện và điều tra của các cơ quan chính phủ nước nhập khẩu kết luận là có bán phá giá.

- ***Thuế đối kháng (countervailing duties)***

Thuế đối kháng (thuế chống trợ cấp chính phủ) là một khoản thuế đặc biệt đánh vào sản phẩm nhập khẩu bị xác định là đã được chính phủ của nước xuất khẩu trợ cấp trái với quy định của WTO.

Thuế đối kháng quy định một khoản bồi thường dưới dạng thuế nhập khẩu phụ thu để bù vào phần trợ giá của hàng hóa nước ngoài nhập khẩu mà việc bán hàng hóa đó ở nước nhập khẩu gây thiệt hại cho nhà sản xuất hàng hóa giống hoặc tương tự hàng hóa nhập khẩu.

- ***Thuế thời vụ (seasonal duties)***

Thuế thời vụ là loại thuế với mức thuế suất khác nhau cho cùng một loại sản phẩm. Thông thường, thuế thời vụ được áp dụng cho mặt hàng nông sản, khi vào thời vụ thu hoạch trong nước thì áp dụng mức thuế suất cao nhằm bảo hộ sản xuất trong nước, khi hết thời vụ thì trở lại mức thuế bình thường.

- ***Thuế bổ sung (supplemental duties)***

Thuế bổ sung là một loại thuế được đặt ra để thực hiện biện pháp tự vệ trong trường hợp khẩn cấp.

Các chính phủ có thể áp dụng thuế bổ sung cao hơn mức thuế thông thường nếu như khối lượng hàng nhập khẩu của sản phẩm đó tăng lên quá cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc có nguy cơ làm mất đi một ngành sản xuất nào đó trong nước.

- ***Thuế leo thang***

Thuế leo thang là loại thuế đánh vào các mặt hàng chế biến sâu, hàng càng chế biến sâu thì thuế xuất nhập khẩu càng cao.

Loại thuế này có tác dụng khuyến khích nhập khẩu nguyên liệu và hàng sơ chế hơn là hàng thành phẩm.

Ví dụ: Mức thuế MFN (thuế tối huệ quốc) của Hoa Kỳ đối với cá tươi sống hoặc ở dạng phile đông lạnh là 0%, trong khi đó mức thuế đối với cá khô và xông khói là từ 4% đến 6% (cá khô và xông khói được chế biến từ cá tươi sống).

### **3. Các mức thuế quan**

- ***Thuế tối huệ quốc (MFN)***

Thuế tối huệ quốc là loại thuế mà các nước thành viên WTO áp dụng cho những nước thành viên khác hoặc theo các hiệp định song phương về ưu đãi thuế quan. Đây là loại thuế có mức thuế suất thấp hơn nhiều so với thuế suất thông thường.

- ***Thuế suất thông thường (Thuế phi tối huệ quốc)***

Đây là mức thuế cao nhất mà các nước áp dụng đối với những nước chưa phải là thành viên của WTO và chưa ký hiệp định thương mại song phương với nhau. Thuế này nằm trong khoảng từ 20-110%.

- ***Thuế quan ưu đãi phổ cập (GSP)***

Thuế quan ưu đãi phổ cập là loại thuế ưu đãi cho một số hàng hóa nhập khẩu từ các nước đang phát triển được các nước công nghiệp phát triển cho hưởng GSP. Mức thuế này thấp hơn mức thuế tối huệ quốc.

- ***Thuế áp dụng đối với các khu vực thương mại tự do***

Đây là loại thuế có mức thuế suất thấp nhất hoặc có thể bằng không đối với nhiều mặt hàng.

Mức thuế này được áp dụng trong những khu vực thương mại tự do (FTA), do sự thỏa thuận giữa các quốc gia trong khu vực đó đặt ra.

▪ ***Các loại thuế quan ưu đãi khác***

Một số nước tham gia ký kết các Hiệp định chuyên ngành như Hiệp định thương mại máy bay dân dụng. Hiệp định thương mại các sản phẩm dược, sản phẩm ô tô,... cũng dành cho nhau các ưu đãi thuế quan đặc biệt đối với những sản phẩm này.

#### **4. Phương pháp đánh thuế quan**

Có 4 phương pháp đánh thuế quan cơ bản: thuế theo giá trị hàng hóa, thuế cố định, thuế hỗn hợp và thuế trung bình.

##### **4.1. Thuế theo giá trị hàng hóa (Ad valorem)**

Thuế theo giá trị hàng hóa được tính bằng tỷ lệ % so với giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu. Thuế theo giá trị hàng hóa được sử dụng phổ biến ở các nước.

- *Ưu điểm*
  - Gắn với giá trị hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp
  - Không bị xói mòn bởi lạm phát
  - Thuế suất dễ điều chỉnh nên mang tính linh hoạt
  - Dễ hài hòa hóa khi tham gia các liên kết kinh tế quốc tế
  
- *Hạn chế*
  - Khó chống lại nạn khai man giá trị tính thuế
  - Khai báo hải quan thiếu chính xác, gian lận thương mại, nhất là với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu

##### **4.2. Thuế cố định (Fixed payment)**

Thuế cố định là thu một khoản tiền cố định trên một đơn vị hàng hóa xuất nhập khẩu.

- *Ưu điểm*
  - Dễ áp dụng
  - Ngăn chặn được hiện tượng làm hóa đơn giả cũng như định ra các loại giá nội doanh nghiệp, chống hiện tượng gian lận thuế

- *Hạn chế*
  - Thuế cố định thường bị xói mòn bởi lạm phát, vì lý do này, các biểu thuế mới thường tính theo giá trị hàng hóa
  - Thuế cố định thường khá cao, vì vậy những người tiêu dùng nghèo hơn thường chịu thuế nặng hơn; hàng nhập khẩu ở các nước đang phát triển, có chất lượng thấp hơn trên thị trường thường chịu thuế nặng hơn và bị cản trở nhiều hơn.

#### 4.3. Thuế hỗn hợp (Compound)

Thuế hỗn hợp vừa tính theo tỷ lệ % so với giá trị hàng hóa, dịch vụ vừa thu một khoản tiền tuyệt đối trên một đơn vị hàng hóa xuất nhập khẩu.

Ví dụ:  $(2\%+2\$)$ /một đơn vị hàng hóa nhập khẩu.

Phương pháp đánh thuế này sẽ trung hòa ưu và nhược điểm của hai phương pháp đánh thuế theo giá trị hàng hóa và thuế cố định.

#### 4.4. Thuế trung bình

Do có vô số các mức thuế quan khác nhau trong biểu thuế của một quốc gia nên rất khó khăn cho việc dự đoán sự thay đổi thặng dư của người sản xuất và thặng dư tiêu dùng tương ứng với mỗi mức thuế quan cụ thể, từ đó tìm ra sự tăng giảm thiệt hại khi sử dụng hàng rào thuế quan. Hơn nữa, sử dụng các mức thuế quan cụ thể cũng rất khó cho việc phân tích và khẳng định hàng rào thuế quan của một quốc gia nào đó là cao hay thấp và đưa ra được những thỏa thuận trong các cuộc thương lượng song phương hay đa phương.

Phương pháp đánh thuế trung bình đưa ra 2 cách tính cơ bản. Hãy cùng xem ví dụ sau:

| STT | Hàng hóa nhập khẩu | Thuế quan (%) | Giá trị hàng hóa (USD) |
|-----|--------------------|---------------|------------------------|
| 1   | A                  | 10            | 500                    |
| 2   | B                  | 15            | 200                    |
| 3   | C                  | 20            | 100                    |

- Cách tính thứ nhất: Tỷ trọng của tỷ lệ thuế trung bình

$$\frac{10\% + 15\% + 20\%}{3} = 15\%$$

Cách tính này thể hiện mỗi tỷ lệ thuế được tính theo tầm quan trọng của tổng lượng hàng hóa nhập khẩu.

➤ Cách tính thứ hai: Tỷ trọng của tỷ lệ thuế và giá trị hàng hóa trung bình

$$\frac{10\% \times \$500 + 15\% \times \$200 + 20\% \times \$100}{\$500 + \$200 + \$100} = 12,5\%$$

Với ưu điểm là xem xét đến cơ cấu hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu, phản ánh được vai trò của hàng rào thuế quan nên thuế trung bình tính theo tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu thường sử dụng đo lường sự thay đổi mức thuế quan của một nước theo thời gian hoặc so sánh mức thuế quan giữa các nước hoặc giữa các khu vực với nhau.

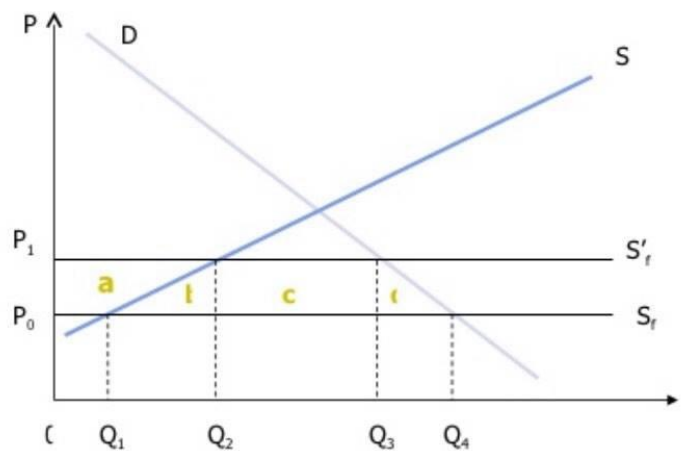
Thuế trung bình cũng được sử dụng để đánh giá hàng rào thuế quan của một quốc gia khi tham gia đàm phán song phương hoặc đa phương và đề ra các mức thuế thỏa thuận.

## 5. Tác động kinh tế của thuế quan

### 5.1. Tác động của thuế quan đối với các nước nhỏ

#### Khi Chính phủ đánh thuế (t)

- $P_0$  đến  $P_1$ ;  $P_1 = P_0 + t$
- **Sản xuất (S)**: Sản lượng sản xuất tăng lên (từ  $Q_1$  đến  $Q_2$ )  
 ➔ Thặng dư của người sản xuất tăng lên: diện tích a
- **Tiêu dùng (D)**: Sản lượng tiêu dùng giảm (từ  $Q_4$  đến  $Q_3$ )  
 ➔ Mức giảm thặng dư của người tiêu dùng: diện tích (a+b+c+d)
- **Thu nhập của Chính phủ**: diện tích c
- **Thiệt hại đối với xã hội**: diện tích (b+d)



Đồ thị biểu diễn tác động của thuế quan đối với các nước nhỏ

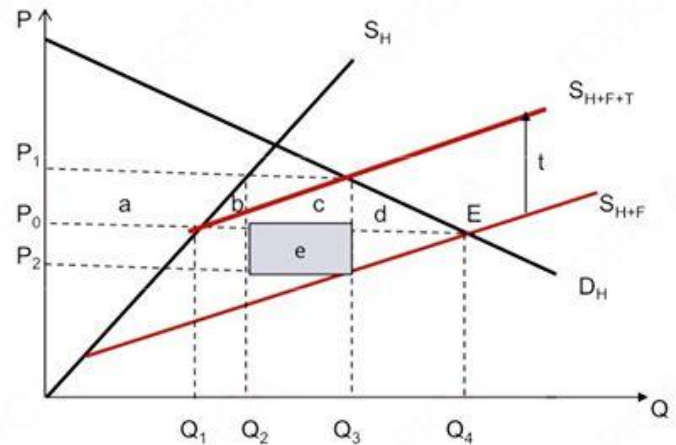
- ⇒ Tổng thiệt hại:  $(a+b+c+d) + (b+d) = a+2b+c+2d$
- ⇒ Tổng thặng dư:  $a + c$

Như vậy, ta có thể thấy được một nước nhỏ sẽ luôn bị thiệt hại khi áp đặt thuế quan.

## 5.2. Tác động của thuế quan đối với các nước lớn

Giải thích các giá trị:

- **S<sub>H</sub>** và **D<sub>H</sub>**: Đường cung và cầu nội địa đối với mặt hàng X
- **S<sub>H+F</sub>**: Đường cung của thế giới kết hợp với đường cung nội địa
- **E**: Điểm cân bằng của nền kinh tế với tự do hóa thương mại
- **S<sub>H+F+T</sub>**: Đường cung S<sub>H+F</sub> dịch chuyển khi chính phủ đánh thuế (T)
- Khi giá nội địa tăng lên từ P<sub>0</sub> tới P<sub>1</sub> thì giá xuất khẩu của nước ngoài (giá thế giới) là P<sub>2</sub>
- **Sản xuất trong nước (D<sub>H</sub>)**: Sản lượng tiêu dùng giảm từ Q<sub>4</sub> đến Q<sub>3</sub>
- Mức giảm thặng dư của người tiêu dùng: diện tích  $(a+b+c+d)$
- **Thu nhập của Chính phủ**: diện tích  $(a+c+e)$
- **Thiệt hại đối với xã hội**: diện tích  $(b+d)$



Đồ thị biểu diễn tác động của thuế quan đối với các nước lớn

- ⇒ Tổng thiệt hại:  $(a+b+c+d) + (b+d) = a+2b+c+2d$
- ⇒ Tổng thặng dư:  $(a+c+e)$

Như vậy, với những quốc gia lớn có thể có lợi hoặc hại từ thuế quan nhưng hiển nhiên là một nước chỉ có lợi khi bạn hàng buôn bán của nước đó bị thiệt. Vì vậy, trong mọi trường hợp, nếu áp dụng thuế quan thì lợi ích toàn cầu sẽ thấp hơn so với thương mại tự do.

## II – CÔNG CỤ PHI THUẾ QUAN

### 1. Khái niệm

Công cụ phi thuế quan (non-tariff measures, NTMs) bao gồm các biện pháp làm thay đổi các điều kiện thương mại quốc tế, gồm các chính sách và quy định hạn chế thương mại cũng như các chính sách tạo điều kiện cho thương mại.

Các công cụ phi thuế quan thường được gọi một cách không chính xác là rào cản phi thuế quan (non-tariff barriers, NTBs). Sự khác biệt là công cụ phi thuế quan bao gồm các biện pháp rộng hơn rào cản phi thuế quan. Các biện pháp này do Chính phủ ban hành, mang tính phân biệt đối xử để ưu tiên hơn cho nhà cung ứng trong nước so với nước ngoài. Trước đây, công cụ phi thuế quan phần lớn là hình thức hạn ngạch hoặc hạn chế xuất khẩu, do đó từ “rào cản” thường được sử dụng. Tuy nhiên, đến nay, các can thiệp chính sách có nhiều hình thức hơn và theo đó, thuật ngữ “biện pháp” được sử dụng thay vì “rào cản” để nhấn mạnh biện pháp này có thể không nhất thiết là giảm thương mại hoặc lợi ích.

Hội nghị của Liên Hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD, 2010) định nghĩa, “Công cụ phi thuế quan là các biện pháp chính sách, không phải là thuế quan thông thường, có khả năng tạo ra tác động kinh tế trên khía cạnh thương mại hàng hóa quốc tế, làm thay đổi khối lượng giao dịch thương mại hoặc làm thay đổi giá cả hoặc cả hai yếu tố này”.

## **2. Phân loại**

Tùy thuộc vào mục đích áp dụng mà có nhiều loại công cụ phi thuế quan khác nhau.

### **2.1. Hạn ngạch (Import quota)**

Hạn ngạch là quy định của Nhà nước về số lượng cao nhất của một hàng hoá hay một nhóm hàng hoá được phép xuất khẩu hay nhập khẩu trong một thời gian nhất định thường là một năm đối với một thị trường cụ thể.

Khi chính phủ bảo hộ một ngành hàng nào đó chính phủ sẽ đưa ra mức nhập khẩu tối đa và phân cho các nhà nhập khẩu theo hình thức cấp phép. *Hạn ngạch* này khác với *thuế theo hạn ngạch* (ở mục 2.3) vì đối với thuế theo hạn ngạch thì vượt hạn ngạch sẽ phải đóng thuế cao nhưng vẫn được nhập còn với hạn ngạch là cấm.

- *Ưu điểm*
  - Hạn chế nhập khẩu và giảm tiêu dùng như thuế quan
  - Kiểm soát hạn chế nhập khẩu chặt chẽ hơn so với áp dụng thuế quan nên bảo hộ sản xuất trong nước triệt để hơn

- **Hạn chế**
  - Nền kinh tế thiệt hại nhiều hơn so với áp dụng biện pháp thuế quan (ngắn hạn)
  - Nếu chính phủ bán đấu giá hạn ngạch thì một phần thiệt hại của người tiêu dùng còn được chuyển vào ngân sách. Còn nếu cấp phát hạn ngạch thì nền kinh tế không chỉ mất không 1 khoản mà còn là môi trường thuận lợi cho tham nhũng và tiêu cực.

## 2.2. Hạn chế xuất khẩu tự nguyện (voluntary export restraint)

Hạn chế xuất khẩu tự nguyện là biện pháp hạn chế xuất khẩu mà theo đó một quốc gia nhập khẩu đòi hỏi quốc gia xuất khẩu phải hạn chế bớt lượng hàng xuất khẩu sang nước mình một cách “tự nguyện”, nếu không họ sẽ áp dụng biện pháp trả đũa kiên quyết.

Mục đích: Hạn chế bớt sự xâm nhập của hàng ngoại, tạo công ăn việc làm cho thị trường trong nước nhưng mang tính miễn cưỡng và gắn với một số điều kiện nhất định.

Hình thức này được thực hiện thông qua ba hình thức thoả thuận:

- Thoả thuận giữa chính phủ với chính phủ.
- Ngành xuất khẩu tư nhân với ngành tương tự ở nước nhập khẩu.
- Chính phủ ở nước nhập khẩu với ngành xuất khẩu ở nước có hàng xuất.

Hạn chế xuất khẩu tự nguyện được áp dụng cho các quốc gia có khối lượng xuất khẩu quá lớn ở một số mặt hàng nào đó.

## 2.3. Trợ cấp xuất khẩu (export subsidies)

Trợ cấp xuất khẩu là những khoản chính phủ cung cấp để khuyến khích việc xuất khẩu những mặt hàng cụ thể.

Cũng giống như thuế, trợ cấp được tính theo 2 cách: cụ thể và phần trăm giá trị.

Nhóm mặt hàng thường nhận được trợ cấp xuất khẩu là sản phẩm nông nghiệp và bơ sữa. Hầu hết các quốc gia đều có chương trình hỗ trợ thu nhập cho nhân dân. Thu nhập của nông dân được duy trì ổn định bởi các biện pháp của chính phủ nhằm hạn chế mức cung trong nước, tăng cầu trong nước hoặc kết hợp cả hai.



Một biện pháp thông thường của chính phủ là đặt mức giá sàn cho một số mặt hàng nhất định. Khi cung vượt quá cầu tại mức giá sàn, chính phủ phải đứng ra mua phần dư thừa đó. Số hàng hóa này được chính phủ cất trữ và mang ra phân phối khi thiếu cung. Đôi khi lượng hàng hóa dư thừa chính phủ phải mua vượt quá khả năng cất trữ. Trong trường hợp như vậy và để tránh những trường hợp như vậy, chính phủ sử dụng biện pháp trợ cấp xuất khẩu. Bằng cách khuyến khích xuất khẩu, chính phủ sẽ giảm bớt lượng cung trong nước và giảm bớt gánh nặng phải mua để cất trữ.

#### **2.4. Hàng rào kỹ thuật**

Hàng rào kỹ thuật là một loại hàng rào phi thuế quan liên quan đến các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm, hàng hoá có chất lượng đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

Ví dụ: Nga sẽ không tiếp tục nhập khẩu cá Basa của Việt Nam, Nhật sẽ áp dụng mức dư lượng kháng sinh tối thiểu mới đối với các lô hàng thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam,...

##### ❖ Mục đích áp dụng

- *Đối với người tiêu dùng*: dễ dàng sử dụng lựa chọn những sản phẩm thích hợp có chất lượng và thông số kỹ thuật phù hợp.
- *Đối với người sản xuất*: giúp cho việc sản xuất theo quy mô lớn theo một thông số quy định về kích thước, tiêu hao nguyên liệu, bán thành phẩm được sản xuất từ nhiều nguồn khác nhau.
- *Đối với người bán*: có thể dễ dàng hiểu nhau khi đàm phán về một mặt hàng.
- *Đối với hầu hết các quốc gia*: bảo hộ thị trường nội địa và sản xuất trong nước.

##### ❖ Hình thức rào cản

- Các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, các yêu cầu đặt ra về đặc điểm, tính chất của một sản phẩm (ví dụ như kích thước, hình dạng,...)
- Các yêu cầu về nhãn mác và bao bì, được quy định chặt chẽ bằng hệ thống văn bản pháp luật, theo đó các tên sản phẩm, danh mục thành phần, trọng lượng, ngày sản xuất, hạn sử dụng...
- Các quy định về môi trường

#### **2.5. Các điều khoản mua sắm của chính phủ (Government procurement provision)**

Chính phủ thường là những người mua hàng lớn nhất trên thế giới (chiếm 10 - 15% GDP).

Các điều khoản mua sắm nhằm hạn chế việc mua sắm hàng hóa nước ngoài của các cơ quan chính phủ dưới các hình thức:

- Cấm các doanh nghiệp nước ngoài tham gia đấu thầu các hợp đồng mua sắm chính phủ.
- Ưu đãi doanh nghiệp trong nước, sử dụng nhiều hàng hóa, dịch vụ trong nước khi thực hiện hợp đồng mua sắm chính phủ, ưu đãi giá cả.
- Đặt điều kiện, quy định về tư cách thể nhân, phân biệt đối xử để ngăn cản doanh nghiệp nước ngoài tham gia dự thầu.

## **2.6. Một số công cụ khác**

### ▪ ***Thuế VAT (Value Added Tax)***

- Thuế VAT được áp dụng phổ biến ở các nước trên thế giới.
- Thay thế cho thuế doanh thu, loại trừ đánh thuế hai lần.
- Hàng hóa hay đầu vào bị đánh thuế khi nhập khẩu, nhưng được giảm thuế nếu như xuất khẩu hàng hóa cuối cùng.

### ▪ ***Hạn chế thương mại dịch vụ (Restrictions on Trade in Services)***

- Thường được áp dụng cho các ngành như ngân hàng, bảo hiểm, vận tải,..

Ví dụ: Quy định chỉ có ngân hàng trong nước mới được huy động tiền gửi cá nhân; Chỉ có hãng hàng không Canada mới được cung cấp dịch vụ bay giữa các thành phố trong nước;...

### ▪ ***Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (Trade Related Investment Measures)***

Các yêu cầu hoạt động có liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài trong một nước: Yêu cầu các nhà đầu tư nước ngoài sử dụng đầu vào trong nước hoặc xuất khẩu sản phẩm cuối cùng.

- ***Các biện pháp khác:*** Kiểm soát ngoại hối, giấy phép nhập khẩu, yêu cầu công ty đặt cọc hàng nhập khẩu ...

## **PHẦN B: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ QUAN VÀ PHI THUẾ QUAN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

### **I – NHỮNG CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM**

Ở thời điểm hiện tại, các chính sách thuế quan của Việt Nam đã có những thay đổi tích cực và hiệu quả với xu hướng hội nhập hóa, mở cửa thị trường, đẩy mạnh việc thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài.

#### **1. Các công cụ thuế quan và phi thuế quan tại Việt Nam**

##### **1.1. Thuế nhập khẩu thông thường**

Từ ngày 01/01/2018 quyết định 45/2017/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định 36/2016/QĐ-TTg do Thủ tướng chính phủ ký. Theo quyết định trên:

- Mức thuế suất nhập khẩu thông thường áp dụng chung với các mặt hàng thuộc cùng Danh mục là 5%.
- Trường hợp hàng hóa không có trong danh mục thuế xuất nhập khẩu thông thường thì áp dụng bằng 150% thuế suất ưu đãi của hàng hóa tương ứng. Nếu thuế suất ưu đãi là 0% thì Thủ tướng Chính phủ sẽ căn cứ vào điều 10 của Luật này để quyết định.

##### **1.2. Thuế nhập khẩu ưu đãi**

Là loại thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ từ những quốc gia có quan hệ thương mại với Việt Nam nằm trong chính sách đối xử tối huệ quốc (MFN).

Đa phần hiện nay hàng nhập vào Việt Nam được ưu đãi thuế này, vì hiện tại Việt Nam có quan hệ thương mại với khoảng 180 quốc gia trên toàn thế giới. Danh sách các nước và vùng lãnh thổ có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam đã được chỉ rõ trong công văn 1530/TCHQ – TXNK ngày 23/03/2018.

##### **1.3. Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt**

Tính đến tháng 3 năm 2020, tổng số Hiệp định thương mại (FTA) Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán là 16 Hiệp định, trong đó có 12 hiệp định đang thực thi, 01 Hiệp định có hiệu lực trong năm 2019, 02 hiệp định đã ký kết nhưng chưa có hiệu lực và 03 hiệp định đang đàm phán.

12 Hiệp định song – đa phương với các nước

- **AFTA** (Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN)
- **ACFTA** (Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Trung Quốc, 2018-2022)
- **ATIGA** (Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, 2018-2022)
- **AJCEP** (Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản, 2018-2023)
- **VJEPA** (Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế, 2018-2023)
- **AKFTA** (Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc, 2018-2022)
- **AANZFTA** (Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Australia – New Zealand, 2018-2022)
- **AIFTA** (Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ, 2018-2022)
- **VKFTA** (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, 2018-2022)
- **VCFTA** (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chile, 2018-2022)
- **VN-EAEU FTA** (Hiệp định thương mại tự do giữa một nước là CHXHCN Việt Nam và bên kia là Liên minh kinh tế Á – Âu và các nước thành viên, 2018-2022)
- **CPTPP** (Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, 2019-2022)

Trong đó, CPTPP là hiệp định mới nhất, được ký kết ngày 08/3/2018 tại thành phố Santiago, Chile. Sáu nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mexico, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Australia. Ngày 26/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn từ ngày 14/01/2019 đến hết ngày 31/12/2022.

#### **1.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh lên hàng hóa hạn chế tiêu thụ như: bia, rượu, thuốc lá, xe dưới 24 chỗ, bài lá, vàng mã,..

Ngày 01/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cụ thể, về việc khấu trừ thuế, Nghị định số 14/2019/NĐ-CP nêu rõ, người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu

thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra.

### **1.5. Thuế bảo vệ môi trường**

Thuế này đánh lên những mặt hàng có khả năng gây ô nhiễm môi trường như: xăng, dầu, mỡ nhờn, túi nilon, than đá, thuốc diệt trùng,...

Theo số liệu từ Bộ Tài chính, số tiền thu được từ thuế bảo vệ môi trường năm 2018 là 48 650 tỷ đồng, năm 2019 là 68 926 tỷ đồng. Điều này chứng tỏ Việt Nam vẫn còn phải nhập khẩu rất nhiều loại hàng hóa có ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

### **1.6. Thuế VAT (thuế giá trị gia tăng, GTGT)**

Tại Việt Nam, có ba mức thuế suất thuế GTGT đối với hàng xuất nhập khẩu như sau:

**0%:** Mức thuế suất này áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả hàng hóa/ dịch vụ bán ra nước ngoài/ bán trong khu phi thuế quan và tiêu dùng bên ngoài Việt Nam/ trong khu phi thuế quan, hàng gia công chuyên tiếp hoặc xuất khẩu tại chỗ (theo quy định), hàng hóa bán cho cửa hàng miễn thuế, một số dịch vụ xuất khẩu, hoạt động xây dựng và lắp đặt công trình cho doanh nghiệp chế xuất, dịch vụ hàng không, hàng hải và vận tải quốc tế.

**5%:** Mức thuế suất này thường áp dụng cho các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế có liên quan với việc cung cấp các loại hàng hóa và dịch vụ thiết yếu, bao gồm: nước sạch; dụng cụ giảng dạy; sách; thực phẩm chưa qua chế biến; thuốc chữa bệnh và trang thiết bị y tế; thực phẩm chăn nuôi; một số sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp; dịch vụ khoa học và công nghệ; mũ cao su sơ chế, đường và các phụ phẩm; một số hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và nhà ở xã hội.

**10%:** Đây được coi là mức thuế suất "phổ thông" áp dụng cho các đối tượng chịu thuế GTGT nhưng không được hưởng mức thuế suất 0% hoặc 5%.

Nếu không xác định được một mặt hàng thuộc loại hàng hóa nào theo biểu thuế quy định, thì doanh nghiệp phải tính và nộp thuế GTGT theo mức thuế suất cao nhất cho loại hàng hóa mà doanh nghiệp cung cấp.

## **2. Hàng rào phi thuế quan đối với Việt Nam**

Mặc dù là một quốc gia đang trên đà phát triển, hội nhập với kinh tế thế giới, thực hiện tự do thương mại hóa nhưng các doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện xuất khẩu sang các thị trường lớn như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc,... luôn phải đối mặt với các loại rào cản phi thuế quan, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh cũng như kinh tế đất nước.

Các doanh nghiệp Việt hiện đang gặp không ít khó khăn trong việc ứng phó với các rào cản phi thuế quan từ các thị trường tiềm năng trên thế giới. Dưới đây là một số hàng rào phi thuế quan mà Việt Nam đang gặp phải.

### **❖ Hạn ngạch nhập khẩu**

Trong xu hướng tự do hoá thương mại, các nước cũng đã dần xóa bỏ cơ chế hạn ngạch. Tuy nhiên, đến nay hạn ngạch vẫn được áp dụng phổ biến trong hai lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh xuất khẩu là dệt may và nông sản. Vì thế, Việt Nam sẽ rất khó thâm nhập vào thị trường của các nước áp dụng biện pháp này.

### **❖ Sử dụng giấy phép**

Theo chế độ này, hàng hóa muốn thâm nhập vào lãnh thổ của một nước phải xin giấy phép nhập khẩu của cơ quan chức năng. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan và Trung Quốc cũng gặp không ít khó khăn do biện pháp này gây ra.

### **❖ Biện pháp quản lý về giá**

Ngoài các biện pháp hạn chế định lượng, các biện pháp quản lý về giá cũng là một trong những rào cản với hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam. Đây có thể coi là một trong những biện pháp liên quan đến việc xác định trị giá tính thuế hải quan có thể được sử dụng như một công cụ gián tiếp bảo hộ sản xuất trong nước. Trị giá tính thuế hải quan cao hay thấp sẽ tác động trực tiếp đến khoản thuế nhập khẩu các doanh nghiệp phải nộp và qua đó tác động lên giá bán của sản phẩm Việt Nam tại thị trường nước nhập khẩu.

Theo thống kê mới nhất đến nay, hầu hết các nước đã áp dụng Hiệp định về định giá hải quan của WTO để tính thuế nhập khẩu. Theo đó, giá tính thuế sẽ là giá thực trả hoặc sẽ phải trả khi hàng được bán từ nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu.

❖ ***Biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời***

Một trong những rào cản lớn khác với hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam là biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời (bao gồm biện pháp tự vệ, chống bán phá giá, trợ cấp và đối kháng).

Trong đó, quan trọng nhất phải kể đến biện pháp chống bán phá giá. Một sản phẩm bị coi là bán phá giá nếu giá xuất khẩu thấp hơn mức giá của sản phẩm tương tự tại nước xuất khẩu. Các nước được phép đánh thuế chống bán phá giá với các sản phẩm bán phá giá khi điều tra được hàng nhập khẩu đã được bán phá giá vào thị trường nước mình đồng thời chứng minh được việc bán phá giá này gây thiệt hại cho ngành sản xuất sản phẩm tương tự ở trong nước.

### **3. Nhận định về việc sử dụng các công cụ của chính sách thương mại của Việt Nam**

Để quản lý được các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa giữa nước ta với các nước trên thế giới, Chính phủ đã có nhiều biện pháp, chính sách nhằm tối ưu hóa các công cụ của chính sách thương mại, đặc biệt là áp dụng các chính sách về thuế xuất nhập khẩu. Đây cũng là một nguồn thu quan trọng, đóng góp phần lớn cho ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên các chính sách này không thể tránh khỏi các mặt tích cực và cả tiêu cực, ảnh hưởng đến quá trình phát triển và hội nhập của đất nước.

#### **3.1. Những kết quả tích cực**

Số liệu thống kê năm 2019 của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 2 tháng 12/2019 (từ ngày 16/12 đến ngày 31/12/2019) đạt 24,44 tỷ USD, tăng 20,1% (tương ứng tăng 4,1 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong nửa đầu tháng 12/2019.

Những kết quả tích cực này chính là những thành tựu trong quá trình không ngừng hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong thời gian qua. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn góp phần đưa Việt Nam trở thành một “mắt xích” quan trọng trong mạng lưới các



liên kết kinh tế với các nền kinh tế hàng đầu thế giới (gồm 12 FTA đã ký và đang thực thi; 2 Hiệp định đã ký kết, 4 FTA đang đàm phán bảo đảm cho kết nối thương mại tự do, ưu đãi cao với 60 nền kinh tế, chiếm 90% kim ngạch thương mại của Việt Nam); đồng thời, tạo động lực mới và cả “sức ép” mới để thúc đẩy mạnh mẽ hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.

### **3.2. Những khó khăn, thách thức**

Song song với những kết quả đạt được, Việt Nam cũng gặp phải không ít khó khăn với các rào cản thương mại hiện hành.

- Các hàng rào phi thuế quan ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình xuất nhập khẩu và gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt.
- Chính sách kinh tế và thương mại của các nền kinh tế lớn, như Hoa Kỳ, EU,... có thể thay đổi nhanh và có tác động đa chiều đến kinh tế Việt Nam. Điển hình như cuộc chiến thương mại Mỹ Trung diễn ra suốt năm 2019 có tác động không nhỏ đến Việt Nam.
- Còn quá phụ thuộc vào việc nhập khẩu từ nước ngoài nên khó ứng biến với các tình huống đột ngột. Ví dụ như dịch bệnh COVID-19 xảy ra đầu năm 2020 từ Trung Quốc – đối tác lớn của Việt Nam trong việc xuất nhập khẩu, đã khiến nước ta gặp nhiều khó khăn trong xuất nhập khẩu, kinh tế đình trệ, hàng hóa khan hiếm.

## **II – THUẾ QUAN VÀ PHI THUẾ QUAN - CÔNG CỤ CỦA CUỘC CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI MỸ - TRUNG**

Không ngẫu nhiên mà cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung (US – China Trade War) còn có tên gọi khác là “chiến tranh thuế quan Mỹ - Trung”, vì thuế quan (mà cụ thể là các chính sách thuế nhập khẩu) chính là công cụ, tiền đề làm nổ ra cuộc chiến. Tuy không phải hình thức duy nhất các nhà cầm quyền sử dụng trong cuộc chiến nhưng qua đó, ta cũng có thể thấy được sức mạnh của thuế quan đối với nền kinh tế của một quốc gia cũng như ảnh hưởng của nó đến các nước khác trên thế giới.

### **1. Khởi nguồn cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung**

Sau khi trở thành Tổng thống Mỹ vào tháng 1/2017, ông Donald Trump đã nhiều lần đe dọa sẽ có biện pháp mạnh nhằm trả đũa trong lĩnh vực thương mại đối với Trung



Quốc. Thực tế từ khi ông Trump lên nắm quyền, 2 bên đã tổ chức đàm phán nhằm tìm kiếm thỏa thuận và nhượng bộ, song không thành công.

Vào ngày 1/3/2018, Tổng thống Donald Trump tuyên bố Mỹ sẽ xem xét đề áp thuế cao với thép và nhôm nhập khẩu từ tất cả các nước với thuế suất 25% với thép và 10% với nhôm. Trước động thái này, các nước trên thế giới đã có những phản ứng gay gắt. Các đối tác lớn của Mỹ như Canada, EU, Nhật Bản, Trung Quốc,... đều lên tiếng chỉ trích và đưa ra khả năng tiến hành trả đũa với Mỹ, kiện Mỹ lên WTO. Bất chấp sự phản đối gay gắt trên toàn cầu, ngày 8/3/2018, Donald Trump đã chính thức ký sắc lệnh áp thuế nhập khẩu 25% lên thép và 10% lên nhôm nhập khẩu. Các quốc gia lần lượt đệ đơn kiện, trong đó Trung Quốc cũng đệ đơn kiện Mỹ vào ngày 10/4/2018.

Như vậy, ta có thể thấy rằng các biện pháp thương mại là công cụ chính, đi xuyên suốt và là “những viên đạn” châm ngòi cho cuộc chiến thương mại giữa 2 siêu cường, làm náo động nền kinh tế thế giới. Cụ thể hơn, thuế nhôm và thép có thể coi là động thái đầu tiên dẫn đến cuộc chiến tranh này.

Với những lý do Trung Quốc bảo trợ cho các doanh nghiệp nước này cạnh tranh không lành mạnh, thao túng thị trường và ăn cắp tài sản trí tuệ. Trung Quốc không chỉ gây ra vấn đề về việc làm mà còn gây ra mối nguy kinh tế lớn hơn cho Mỹ: đó là bắt các công ty của Mỹ phải chuyển giao công nghệ; là việc Trung Quốc cố ý làm suy yếu nền tảng công nghệ của Mỹ. Sâu xa hơn, đó là Chiến lược “Sản xuất năm 2025” của Trung Quốc với những tham vọng thống trị nhiều lĩnh vực then chốt. Những vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của người lao động và doanh nghiệp Mỹ. Những lý do này là cơ sở cho tổng thống Mỹ Donald Trump có những động thái đầu tiên, nổ ra cuộc chiến tranh thương mại.

Trước những cáo buộc này, phía Trung Quốc cho rằng: Mỹ đánh thuế là vi phạm quy định của WTO; Chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ sẽ phá vỡ quy tắc thương mại, làm suy thoái kinh tế toàn cầu. Hơn thế nữa, điều này làm ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế và ngoại giao giữa hai nước.

Các chính sách thuế quan là công cụ trực tiếp ảnh hưởng đến nền kinh tế của một quốc gia nên thật không khó để thấy được tầm quan trọng của thuế quan trong cuộc chiến này.

## **2. Các công cụ của chính sách thương mại tham gia vào cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung**

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung là cuộc cạnh tranh tổng lực giữa 2 siêu cường, nên mỗi bên sẽ áp dụng không chỉ các biện pháp thương mại, mà cả những biện pháp phi thương mại để tấn công nhau. Việc áp dụng phương thức nào phụ thuộc vào lợi thế mỗi bên nắm giữ cũng như điểm yếu của mỗi bên. Trong khuôn khổ bài tiểu luận, chúng tôi xin phép chỉ đưa ra các biện pháp thương mại được áp dụng bởi 2 quốc gia này.

## **2.1. Từ phía Mỹ**

Mỹ là nước nhập khẩu lớn hàng hóa từ Trung Quốc (501 tỷ USD năm 2017). Do đó, điều dễ hiểu là công cụ chủ yếu được Mỹ sử dụng là đánh thuế cao lên hàng nhập khẩu từ Trung Quốc.

Sau động thái đầu tiên áp thuế 25% lên hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc trị giá 34 tỷ USD, chính quyền Mỹ tuyên bố sẽ tiếp tục áp thuế 25% lên hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc trị giá 16 tỷ USD, sau đó áp thuế 10% lên thêm 200 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc mỗi năm. Mỹ cảnh báo tổng lượng hàng Trung Quốc bị áp thuế có thể lên đến hơn 500 tỷ USD, tức là lớn hơn cả kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Mỹ từ Trung Quốc năm 2017.

Các ngành công nghiệp bị đánh thuế của Trung Quốc gồm hàng không vũ trụ, công nghệ thông tin và truyền thông, robot, máy móc.

Mỹ còn có kế hoạch siết chặt kiểm soát xuất khẩu, nhằm ngăn chặn các công ty Mỹ chuyển công nghệ tới Trung Quốc. Chính quyền Mỹ đã soạn thảo các quy định xuất khẩu hướng tới ngăn chặn công nghệ cao chuyển tới Trung Quốc. Tuy nhiên, việc Mỹ áp dụng các biện pháp hạn chế đầu tư có thể chặn đứng khả năng tiếp cận một số nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là đầu tư từ Trung Quốc vào Mỹ.

## **2.2. Từ phía Trung Quốc**

Trước kế hoạch của Mỹ, ngày 1/4/2018, Bộ Tài chính TQ đã công bố danh sách 120 mặt hàng Mỹ sẽ bị áp thuế tăng lên mức 15% khi xuất khẩu vào thị trường TQ như trái cây và sản phẩm liên quan và 8 mặt hàng bị áp thuế 25% gồm thịt lợn và các sản phẩm liên quan.

Ngày 6/7/2018, Trung Quốc đã áp thuế nhập khẩu đối với 545 mặt hàng Mỹ, trên 90% trong số đó là nông sản. Tuy nhiên, việc áp thuế nhập khẩu nông sản cao cũng sẽ khiến Trung Quốc thiệt hại, do nó làm giá thực phẩm tại thị trường Trung Quốc tăng.

Thực tế, Trung Quốc nhập khẩu từ Mỹ (131 tỷ USD năm 2017) ít hơn nhiều so với Mỹ nhập khẩu từ Trung Quốc (506 tỷ USD). Do đó, công cụ thuế quan đánh vào hàng nhập khẩu từ Mỹ tuy vẫn được Trung Quốc áp dụng, song tác dụng khá hạn chế. Hơn nữa, Trung Quốc ngần ngại áp thuế nhập khẩu cao lên các mặt hàng nhu yếu phẩm (một phần lớn trong đó nhập khẩu từ Mỹ) do không muốn người dân nước này phải chi trả lớn hơn cho các mặt hàng này.

### **3. Tác động của cuộc chiến tranh thương mại đối với 3 nước Mỹ, Trung Quốc và Việt Nam**

#### **3.1. Đối với Mỹ**

- Khi Mỹ áp thuế với hàng hóa từ Trung Quốc, chính nền kinh tế Mỹ sẽ bị tổn thương do giá tiêu dùng trong nước tăng, các công ty cung ứng toàn cầu của Mỹ gặp khó khăn khi tiếp cận thị trường 1,3 tỷ dân với sức mua ngày càng lớn.
- Do phần lớn các sản phẩm Trung Quốc bị đánh thuế nhập khẩu vào Mỹ là nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp Mỹ nên các ngành công nghiệp của Mỹ sử dụng các sản phẩm đầu vào từ Trung Quốc cũng sẽ gặp khó khăn khi nguồn cung ít hơn và giá cả tăng, từ đó chi phí sản xuất và giá cả hàng hóa trên thị trường Mỹ có khả năng tăng lên.
- Tuy nhiên, cũng cần ghi nhận rằng các doanh nghiệp của Mỹ sẽ có được lợi thế cạnh tranh về giá khi hàng hóa của TQ trở nên đắt hơn ở Mỹ.

#### **3.2. Đối với Trung Quốc**

Mỹ áp thuế lên hàng nhập khẩu của TQ khiến cho các ngành công nghệ, việc làm và dự trữ ngoại tệ cũng như nguồn thu của quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng:

- Trung Quốc gặp khó khăn khi tiếp cận thị trường Mỹ, đặc biệt là thị trường công nghệ phát triển cao mà Trung Quốc luôn ao ước có được.
- Trước đây, Trung Quốc luôn định giá đồng tiền của mình thấp hơn 20-30% giá trị thực hay việc phá giá đồng nhân dân tệ khiến cho Trung Quốc được lợi khi tham gia thương mại, cán cân thương mại Mỹ-Trung lệch về phía Trung Quốc khoảng 300 tỷ USD nên khi bị áp thuế từ phía Mỹ món hời này sẽ mất.
- Việc đầu tư và sản xuất cho xuất khẩu bị ảnh hưởng sẽ có khả năng dẫn tới thất nghiệp tăng, và về lâu dài có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng kinh tế của quốc gia này.

### 3.3. Đối với Việt Nam

Là một quốc gia đang trên đà hội nhập kinh tế, đồng thời Mỹ và Trung Quốc cũng là 2 đối tác kinh tế lớn nên Việt Nam không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Những ảnh hưởng này tác động theo cả 2 chiều hướng: tích cực và tiêu cực đối với nền kinh tế Việt Nam.

#### ❖ Tác động tích cực

- *Xuất nhập khẩu*: Những quốc gia là đối thủ cạnh tranh với Trung Quốc trong đó có Việt Nam trên thị trường Mỹ sẽ là những người được hưởng lợi do hàng hóa có thêm sức cạnh tranh hơn so với hàng Trung Quốc. Theo đó, Việt Nam được hưởng lợi từ việc có thêm cơ hội bán hàng sang Mỹ. Tuy nhiên, những thiệt hại dường như lớn hơn nhiều. Việc hưởng lợi từ việc có thêm cơ hội bán hàng sang Mỹ còn tùy thuộc vào việc cạnh tranh với nhiều đối thủ khác nữa.

Việc áp thuế còn làm cho đồng nhân dân tệ bị mất giá so với USD. Do vậy, các mặt hàng của Trung Quốc như động cơ, thiết bị, nguyên phụ liệu,... sẽ được bán rẻ hơn để đẩy hàng đi. Đó có thể là cơ hội cho Việt Nam nhập khẩu hàng hóa để xuất khẩu.

- *Thu hút FDI*: Mối quan hệ căng thẳng giữa 2 cường quốc là một cú hích thêm cho xu thế tìm kiếm thị trường đầu tư mới. Không chỉ từ Trung Quốc, nhiều công ty từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Hong Kong cũng dịch chuyển sang Việt Nam để đa dạng hóa đầu tư cũng như giảm thiểu rủi ro. Đặc biệt với chi phí rẻ hơn Trung Quốc, Việt Nam càng thu hút hơn với các nhà đầu tư nước ngoài.

Thực tế cho thấy, nền kinh tế Việt Nam thời gian qua đã tăng trưởng với tốc độ kỷ lục một phần nhờ dòng vốn FDI. Nửa đầu năm 2018, tăng trưởng của Việt Nam đạt 7,08%, mức cao nhất kể từ năm 2011. Tăng trưởng FDI nửa đầu năm cũng đạt 8,4% so với cùng kỳ năm trước, mức kỷ lục 10 năm qua. Việt Nam được đánh giá là một quốc gia đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, kể cả với những ngành Trung Quốc chiếm ưu thế như may mặc, sản xuất linh kiện điện thoại di động.

#### ❖ Tác động tiêu cực

Dẫu được hưởng lợi nhiều khi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung được đẩy lên một nấc thang mới, nhưng nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với những rủi ro.

- Việt Nam bị trộn lẫn với Trung Quốc trong cuộc chiến thương mại. Thực tế Việt Nam đã gặp phải khó khăn trong việc Mỹ áp thuế chống bán phá giá lên mặt hàng thép Việt Nam do cáo buộc chúng xuất xứ từ Trung Quốc, điều này có thể tác động và mở rộng sang mặt hàng khác.
- Do khó khăn trong quan hệ thương mại với Mỹ, không loại trừ khả năng Trung Quốc sẽ chủ động hạn chế nhập khẩu từ các nước thứ ba. Bên cạnh đó, mối quan hệ chuỗi cung ứng giữa Trung Quốc và Đông Nam Á là khá lớn và là một cuộc chiến thương mại có thể làm tổn thương nền kinh tế cả tất cả. Và Việt Nam nằm trong vòng xoáy đó.
- *Về xuất nhập khẩu*: khi xảy ra chiến tranh thương mại, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước khác, trong đó có Việt Nam. Điều này sẽ tạo ra khó khăn rất lớn cho hoạt động của các doanh nghiệp trong nước, bởi sản phẩm Trung Quốc luôn có khả năng cạnh tranh cao vì giá cả và sự đa dạng của sản phẩm.

Hơn thế nữa, khi xuất khẩu Trung Quốc gặp khó, sẽ khiến hàng hóa Trung Quốc bị dư thừa. Điều đó khiến hàng hóa Trung Quốc tìm đường sang Việt Nam. Đáng lo ngại hơn, sự dư thừa này lại được hỗ trợ từ sự mất giá của đồng NDT lớn hơn nhiều so với VNĐ càng khiến hàng hóa này tràn sang thuận lợi hơn. Kết quả, thâm hụt thương mại của Việt Nam với Trung Quốc sẽ trầm trọng hơn và nền sản xuất trong nước sẽ bị ảnh hưởng.

Tóm lại, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tuy đã “hạ nhiệt” đi phần nào do 2 bên đã đạt được một số thỏa thuận sơ bộ (chưa chính thức) vào năm 2019 và ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đến toàn bộ nền kinh tế thế giới đầu năm 2020 nhưng chưa có gì đảm bảo cho sự kết thúc của cuộc chiến giữa 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Thực tế, tác động của cuộc chiến tranh thương mại với thế giới nói chung, với Việt Nam nói riêng chưa rõ ràng vì còn phụ thuộc nhiều vào quy mô và diễn biến tiếp theo của cuộc chiến tranh, vào các kịch bản hành động sắp tới của Mỹ, Trung Quốc cũng như phản ứng của các nước khác.

## **LỜI KẾT**

Bài tiểu luận trên đây giúp chúng ta có cái nhìn khái quát hơn phần nào những công cụ của chính sách thương mại quốc tế và tác động của nó đối với mỗi quốc gia. Có thể nói, không một nước nào trên thế giới lại từ bỏ việc áp dụng các công cụ thuế quan và phi thuế quan - những công cụ để bảo hộ sản xuất trong nước hay để đạt được một số mục tiêu kinh tế - xã hội nhất định. Theo quy định của WTO, các nước sẽ phải dần dần xóa bỏ một số hàng rào phi thuế, đặc biệt là các biện pháp hạn chế định lượng. Tuy nhiên, cùng với tiến trình đó, việc tạo ra và sử dụng các công cụ phi thuế mới tinh vi hơn cũng như các biện pháp thuế quan mới đối với các mặt hàng xuất - nhập khẩu là điều không thể tránh khỏi. Trong quá trình mở cửa, hội nhập Việt Nam càng cần phải hiểu rõ các công cụ thuế quan cũng như phi thuế quan hơn để vừa đẩy mạnh được xuất khẩu, vừa bảo hộ hiệu quả các ngành sản xuất non trẻ trong nước.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- *Giáo trình Thương mại quốc tế, ĐH Kinh tế quốc dân – PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn*
- *Thống kê sơ bộ kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam 2019 – Tổng cục hải quan*
- *Thư viện Pháp luật Việt Nam*
- *tapchitaichinh.vn*
- *Công văn số 1530/TCHQ-TXNK của Tổng cục hải quan về việc cập nhật Danh sách các nước và vùng lãnh thổ đã có thỏa thuận MFN trong quan hệ thương mại với Việt Nam.*
- *Giáo trình Quan hệ Kinh tế quốc tế, Học viện Ngoại Giao – TS Nguyễn Anh Tuấn (Chủ biên); GS,TS. Bùi Huy Khoát; Th.S Vũ Xuân Trường.*